TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VĨNH YÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2018/HS-ST
Ngày 14 - 8 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Mầu Văn Mùi

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Kim Dung và ông Vũ Gia Kính

- Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Kiều Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018, tại Nhà văn hóa Đông Quý, phường Đồng Tâm, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 88/2018/ HSST ngày 20 tháng 7 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2018/QĐXX ngày 03 tháng 8 năm 2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thu O, sinh ngày 06/6/1994; nơi cư trú: Thôn V, xã X, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; văn hoá: 11/12; nghề nghiệp: Không; đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị Đ; có chồng là Nguyễn Văn Đ và có 01 con sinh năm 2004; tiền án: 01. Tại Bản án số 296/2013/HSST ngày 31/12/2013, Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội xử phạt Nguyễn Thị Thu O 24 (hai mươi tư) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" nhưng được hoãn chấp hành hình phạt tù do đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, O đã chấp hành xong án phí ngày 24/3/2014; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2018 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Kiều Văn S, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- *Người làm chứng*: Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1990; địa chỉ: T, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 45 phút, ngày 06/4/2018 Tổ công tác phòng chống tội phạm về ma túy Công an tỉnh Vĩnh Phúc làm nhiệm vụ tại khu vực thôn C, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc phát hiện bắt quả tang Nguyễn Thị Thu O đang có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Kiều Văn S. Vật chứng thu giữ: Thu giữ tại tay phải của Nguyễn Thị Thu O số tiền 400.000đ (O khai nhận là tiền S đưa cho O để mua ma túy); thu trong túi quần bên trái của O 40 viên nén (trong đó có 39 viên màu hồng, 01 viên màu xanh, trên mỗi viên nén in chìm chữ WY) niêm phong ký hiệu A1; 02 viên nén màu trắng đục (trên mỗi viên nén in chìm hình ngôi sao) niêm phong ký hiệu A2; 01 gói nilon nhỏ chứa tinh thể dạng bột màu trắng niêm phong ký hiệu A3 (O khai nhận số ma túy trên lần lượt là 40 viên ma túy ngựa, 02 viên ma túy kẹo, 01 gói ma túy Ketamine) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel.

Tại kết luận giám định số 481B/KLGĐ ngày 11/04/2018, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: "*40 viên nén (trong đó có 39 viên màu hồng, 01 viên màu xanh) trên mỗi viên nén in chìm chữ WY của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma tuý, có khối lượng 4,0704g loại Methamphetamine; 02 viên nén màu trắng đục, trên mỗi viên nén in chìm hình ngôi sao, của mẫu ký hiệu A2 gửi giám định có khối lượng là 0,6066g; tinh thể dạng bột màu trắng của mẫu ký hiệu A3 gửi giám định có khối lượng là 0,3384g (Cơ quan giám định từ chối giám định đối với yêu cầu giám định xác định mẫu A2 và A3 gửi giám định có phải là chất ma tuý, tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma tuý không, do vượt quá khả năng chuyên môn)*".

Tại kết luận giám định số 2023/C54(TT2) ngày 20/4/2018, Viện khoa học hình sự Tổng cục Cảnh sát kết luận: "*Viên nén màu trắng đục, trên mỗi viên nén in chìm hình ngôi sao trong phong bì thư ký hiệu A2 là ma tuý loại Methamphetamine, MDMA, Methylphenidate; mẫu tinh thể dạng bột màu trắng trong phong bì thư ký hiệu A3 là ma tuý loại Ketamine*".

Tại kết luận giám định số 2747/C54(TT2) ngày 30/05/2018, Viện khoa học hình sự Tổng cục Cảnh sát kết luận: "*Mẫu A1 hàm lượng Methamphetamine trung bình là 10,4%; mẫu A2 hàm lượng Methamphetamine trung bình là 2,7%, hàm lượng MDMA trung bình là 29,4%, không xác định được hàm lượng Methylphenidate; Mẫu ký hiệu A3 hàm lượng Ketamine là 79.8%*".

Về nguồn gốc số ma túy, Nguyễn Thị Thu O khai nhận: Khoảng 20 giờ ngày 03/4/2018, O có gặp một nữ giới tên T (bạn xã hội, không biết tên, tuổi địa chỉ cụ thể) tại một quán nước, gần bờ hồ trung tâm thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

T đưa cho O 40 viên ma túy ngựa, 02 viên ma túy kẹo, 01 gói ma túy Ketamine và bảo O đem đi bán (với giá tiền mỗi viên ma túy ngựa là 120.000đ, mỗi viên ma túy kẹo là 500.000đ, riêng gói ma túy Ketamine có ai hỏi mua thì tìm gặp T để hỏi giá bán), O đồng ý. Khoảng 22 giờ 45 phút ngày 06/4/2018, O đem theo số ma tuý trên và đi bộ một mình đến khu vực thôn C, xã Đ, thành phố V mục đích xem có ai hỏi mua sẽ bán để kiếm lời. Khi O đang đứng bên ven đường thì có một xe Taxi dừng gần chỗ O đứng rồi Kiều Văn S xuống hỏi mua của O 03 viên ma tuý ngựa. O đồng ý bán ma tuý cho S với giá 120.000đ/một viên. Sau khi thoả thuận xong, S đưa cho O số tiền 400.000đ để mua ma tuý, O cầm tiền rồi định lấy ma tuý để bán cho S nhưng chưa kịp bán thì bị tổ Công tác Công an tỉnh Vĩnh Phúc phát hiện bắt quả tang.

Tại Cáo trạng số: 93/CT-VKSNDTPVY ngày 19/7/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu O về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận thành khẩn về hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Kiều Văn S và người làm chứng là anh Nguyễn Trọng T vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên trong các lời khai tại cơ quan điều tra đã thừa nhận phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu O phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 53, Điều 55, khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, tổng hợp hình phạt 24 (hai mươi bốn) tháng tù của Bản án số 296/2013/HSST ngày 31/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu O chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 06 (sáu) năm đến 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 07/4/2018) nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam của Bản án số 296/2013/HSST ngày 31/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội từ ngày 20/9/2013 đến ngày 08/11/2013.

Áp dụng khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để giải quyết vật chứng của vụ án và không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo không bào chữa, tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Thị Thu O tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau; phù hợp về thời gian, địa điểm, mục đích, động cơ phạm tội; phù hợp với biên bản phạm tội quả tang; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với vật chứng đã thu giữ; phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 22 giờ 45 phút ngày 06/4/2018 tại khu vực thôn C, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Thị Thu O đang có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Kiều Văn S thì bị tổ công tác phòng chống tội phạm về ma túy Công an tỉnh Vĩnh Phúc phát hiện bắt quả tang. Tang vật thu giữ của O gồm 40 viên nén có khối lượng 4,0704g qua giám định là ma túy loại Methamphetamine; 02 viên nén màu trắng đục có khối lượng 0,6066g qua giám định là ma túy loại Methamphetamine, MDMA và Methylphenidate (riêng Methylphenidate không xác định được khối lượng); 01 gói nilon nhỏ bên trong chứa tinh thể dạng bột màu trắng có khối lượng 0,3384g qua giám định là ma túy Ketamine.

Hành vi của bị cáo như trên đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" được quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Nội dung điều luật quy định:

*"1. Người nào ... mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 nă*m".

Hành vi mua bán trái phép chất ma túy là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý xã hội được pháp luật bảo vệ. Bị cáo phạm tội có khung hình phạt đến 07 năm là tội phạm nghiêm trọng.

Methamphetamine, MDMA, Methylphenidate và Ketamine là những chất ma tuý gây nghiện nguy hiểm do Nhà nước ta độc quyền quản lý, Nhà nước nghiêm cấm các hành vi mua bán, sản xuất, tàng trữ,…trái phép chất ma tuý. Mua bán trái phép chất ma túy là tiền đề để từ đó hành vi sử dụng trái phép chất ma túy được thực hiện, từ đó góp phần tạo nên những người nghiện ma túy. Nghiện ma tuý làm con người bị lệ thuộc vào ma tuý, nhiều khi không làm chủ được bản thân, kinh tế bị ảnh hưởng; nó là một trong những nguyên nhân nảy sinh ra nhiều tệ nạn xã hội cũng như hành vi phạm tội khác …, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội. Mặc dù, Nhà nước ta có những quy định để xử lý nghiêm khắc đối với hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma tuý, tuy nhiên

hiện nay loại tội phạm này vẫn chưa giảm, mà diễn biến ngày càng phức tạp, tinh vi làm quần chúng nhân dân phẫn nộ, bất bình.

Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng:

Bị cáo là người có nhân thân xấu. Tại Bản án số 296/2013/HSST ngày 31/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội xử phạt Nguyễn Thị Thu O 24 (hai mươi tư) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" (nhưng được hoãn chấp hành hình phạt tù) chưa được xóa án tích nhưng trong thời gian được hoãn chấp hành hình phạt tù, bị cáo không chịu khó tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục có hành vi phạm tội, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt thật nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Nên Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên cần áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và tổng hợp với hình phạt 24 (hai mươi tư) tháng tù của Bản án số 296/2013/HSST ngày 31/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội chưa chấp hành. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam của Bản án số 296/2013/HSST ngày 31/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[3] Về đối tượng liên quan và vật chứng:

Đối với người phụ nữ tên T (không biết tên, tuổi và địa chỉ cụ thể), quá trình điều tra ngoài lời khai của bị cáo, không có tài liệu, chứng cứ nào khác nên cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý.

Đối với hành vi của Kiều Văn S đi mua ma túy của bị cáo mục đích để sử dụng cho bản thân nhưng chưa kịp nhận ma túy thì bị phát hiện, bắt quả tang nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

Về nguồn gốc số tiền 400.000đ, Sơn sử dụng để đi mua ma túy, theo lời khai của S do M1 và M2 (không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) là hai người bạn xã hội, góp tiền đưa cho S để đi mua ma túy. Ngoài lời khai của S thì không có tài liệu, chứng cứ nào khác để xác định nhân thân, lai lịch của hai người này. Do vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra xử lý.

Đối với anh Nguyễn Trọng T là người lái xe Taxi chở S, tuy nhiên anh T không biết mục đích S thuê xe của anh để đi mua ma túy của O. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với số tiền 400.000đ thu giữ tại tay phải của Nguyễn Thị Thu O, quá xác định là tiền do bán ma tuý cho S mà có. Do vậy cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Thu O là tài sản của bị cáo. Bị cáo sử dụng hai chiếc điện thoại làm phương tiện để liên lạc cho bạn bè và người thân, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo đều không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[5] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu O phạm tội: "Mua bán trái phép chất ma túy".

Áp dụng: khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52,Điều 53, Điều 55 và khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự:

Xử: Phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu O 04 (bốn) năm 06 (sáu) tù, tổng hợp hình phạt 24 (hai mươi bốn) tháng tù của Bản án số 296/2013/HSST ngày 31/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu O chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 07/4/2018) nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam của Bản án số 296/2013/HSST ngày 31/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội từ ngày 20/9/2013 đến ngày 08/11/2013.

2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại bị cáo Nguyễn Thị Thu O 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng).

Tịch thu, tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định gồm: Mẫu A1 là 3,159g, mẫu A2 là 0,248g, mẫu A3 là 0,125g và toàn bộ bao gói.

(Các vật chứng có đặc điểm theo như biên bản giao nhận vật chứng ngày 26 tháng 7 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên).

3. Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Thị Thu O phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND TP Vĩnh Yên;
- Công an TP Vĩnh Yên;
- Chi cục THADS TP Vĩnh Yên;
- TTG Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo và Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Mầu Văn Mùi